MẪU SỐ 05

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hanh phúc

Số: 255/CNLK

Long Khánh, ngày 16 tháng 11 năm 2026

BÁO CÁO THÁNG 11/2026

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên đơn vị cấp nước: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Địa chỉ: 02 Bis, đường CMT8, phường Long Khánh, TP.Đồng Nai

Công suất thiết kế: 14.220/ Tổng số dân được cung cấp nước: 24.513.

Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): nước ngầm.

Thời gian kiểm tra: ngày 04 tháng 10 năm 2026.

Người kiểm tra: Trung tâm kiểm soát bệnh tật Đồng Nai.

Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 12 mẫu tại các trạm bơm Công ty quản lý.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi chất lượng nước, lưu mẫu.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước theo QCVN 01-1:2024/BYT.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm: 12 (mẫu)

Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 12 (mẫu).

Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100 %

Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: (mẫu)

Tỷ lệ mẫu không đạt quy chuẩn: 0 %

Các chỉ tiêu không đạt: không

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Giếng 4	Giếng 7	Giếng 10	Bảo Quang	Núi Tung 1	Núi Tung 2	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1	*E.coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	<1CFU/100 ml	Đạt
2	Coliform tổng số	0	0	0	0	0	0	<1CFU/100 ml	Đạt
3	Clo dư tự do (mg/L)	0,50	0,56	0,55	0,85	0,54	0,52	Trong khoảng 0,2-1,0 mg/l	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,50	0,47	1,36	1,33	0,79	0,46	2 NTU	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	KPH	1,85	KPH	3,70	KPH	3,7	15TCU	Đạt
6	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có m7ùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
7	pH	7,28	7,49	7,62	7,87	7,44	7,48	6,0-8,5	Đạt
8	Arsenic (As mg/L)	KPH	0,0011	0,0004	KPH	0,0010	KPH	0,01 mg/l	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat	0,26	0,9	0,42	0,32	0,51	0,26	<2 mg/l	Đạt
10	Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	0,02	0,07	0,09	0,02	0,05	0,07	<1mg/l	Đạt

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các Thông số	BVLK 1	Giếng số 11	Xuân Tân	Xuân Hòa	Vườn Điều	TP QL56	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1	*E.coli* hoặc Coliform chịu nhiệt	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	<1CFU/100ml	Đạt
2	Coliform tổng số	0	0	0	0	0	0	<1CFU/100ml	Đạt

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các Thông số	BVLK 1	Giếng số 11	Xuân Tân	Xuân Hòa	Vườn Điều	TP QL 56	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
3	Clo dư tự do (mg/L)	0,50	0,55	0,57	0,44	0,42	0,46	Trong khoảng 0,2-1,0 mg/l	Đạt
4	Độ đục (NTU)	1,28	1,08	0,54	1,27	0,97	1,92	2 NTU	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	KPH	KPH	1,85	KPH	KPH	KPH	15TCU	Đạt
6	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
7	pH	7,63	7,01	7,32	7,55	7,50	7,29	6,0-8,5	Đạt
8	Arsenic (As mg/L)	0,0005	KPH	0,0005	KPH	KPH	0,0010	0,01 mg/l	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat	0,29	0,51	0,48	0,45	0,42	0,58	<2 mg/l	Đạt
10	Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	0,12	0,12	0,11	0,12	0,07	0,01	<1mg/l	Đạt

* Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ

- Thực hiện theo thông tư số 52/2024/BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.

- Công ty duy trì thực hiện tốt công tác vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh hệ thống sản xuất nước đảm bảo vận hành ổn định hệ thống sản xuất nước, chất lượng nước xử lý đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600979223 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Vĩnh